

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/4/2024

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Hồng Gái**

Ông **Vũ Đức Kiểu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2024/TB-TA ngày 26 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: tổ 2, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện H, tỉnh K.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T quen biết nhau là do mai mối, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/6/2018. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung và anh chị đã sống ly thân bốn năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015; Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015 và Phạm Văn T, sinh ngày 30/3/2017 hiện đang ở với chị H. Sau khi ly hôn Chị Nguyễn Thị H yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Văn T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn T thống nhất với chị Nguyễn Thị H về hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Mâu thuẫn giữa anh chị là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và mâu thuẫn về kinh tế. Đến tháng 12/2021 do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn thì anh Phạm Văn T cũng đồng ý.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015; Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015 và Phạm Văn T, sinh ngày 30/3/2017 hiện đang ở với chị H. Sau khi ly hôn anh Phạm Văn T đồng ý giao các con chung cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh Phạm Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T; Về con chung: Giao 03 người con chung tên Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015; Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015 và Phạm Văn T, sinh ngày 30/3/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: áp dụng áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX: chị Nguyễn Thị H nộp án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Giồng Kè, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T là vợ chồng hợp pháp do đã được UBND xã Bình Giang, huyện Hòn Đất cấp giấy chứng nhận kết

hôn vào ngày 19/6/2018. Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Từ năm 2021 chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đã sống ly thân cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và cũng không còn liên hệ, gặp gỡ hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này đã được chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T thừa nhận. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn thì anh Phạm Văn T cũng đồng ý, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3.2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có 03 người con chung tên Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015; Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015 và Phạm Văn T, sinh ngày 30/3/2017. Chị Nguyễn Thị H có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng các cháu Như, Ý, Tánh từ trước đến nay đều sống với chị Nguyễn Thị H, do chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi chị và anh T sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân anh T cũng không hỏi han, quan tâm hay gửi tiền cho chị H nuôi các con chung và anh Phạm Văn T cũng đồng ý với yêu cầu này của chị Nguyễn Thị H nên Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015; Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015 và Phạm Văn T, sinh ngày 30/3/2017 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[3.3] *Về tài sản chung*: Các bên đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn T.

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2/ *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015; Phạm Thị N, sinh ngày 08/3/2015 và Phạm Văn T, sinh ngày 30/3/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/ *Về tài sản chung:* Các bên đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4/ *Về nợ chung:* Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5/ *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004163 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Nguyễn Thị H không phải nộp thêm.

6/ *Quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang